

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 23 tháng 7 năm 2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Bảo

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐST-DS-HPT ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TM-CP A;

Trụ sở: Số A, đường B, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: số C đường D, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Minh Q, sinh năm 1987

(Giấy ủy quyền số 377/UQ-QLN.25 ngày 19/3/2025) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Đ, đường E, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số Đ, đường E, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023, các bên tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TM-CP A trình bày:

*** Quá trình cấp tín dụng và thanh toán:**

Ngân hàng TM-CP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn Q theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 (số tài khoản vay 273070339), chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng;
- Mục đích cho vay: Tiêu dùng;
- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần;
- Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ tiền vay vào tài khoản thanh toán số 273070339 của ông Nguyễn Văn Q tại ngân hàng;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay;
- Lãi suất trong hạn:
 - + Tính theo dư nợ ban đầu 10,00%/năm (LS1)
 - + Tính theo dư nợ thực tế 19,67%/năm (LS2)
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (LS2);
- Phạt lãi chậm trả: 10%/năm.

Từ ngày giải ngân (23/11/2018) đến nay, ông Nguyễn Văn Q đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 112.505.992 đồng (trong đó: Vốn gốc là 75.004.773 đồng, lãi trong hạn là 37.500.808 đồng và phạt chậm trả là 411 đồng), cụ thể:

- Từ ngày giải ngân đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 07/12/2022): Ông Nguyễn Văn Q thanh toán 112.501.219 đồng (trong đó: Vốn gốc là 75.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.500.808 đồng và phạt chậm trả là 411 đồng).

- Từ ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 07/12/2022) đến nay: Hệ thống trích thu tự động 4.773 đồng vào nợ gốc (ngày 23/3/2024). Lần cuối ông Nguyễn Văn Q chủ động thanh toán cho ngân hàng là ngày 23/12/2020.

*** Vi phạm hợp đồng và dư nợ chưa trả:**

Tại Điều 5, Điều 6 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 có quy định: ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản vay chưa thanh toán của bên được cấp tín dụng trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm Hợp đồng tín dụng, các thỏa thuận và cam kết với ngân hàng; theo đó, sau 15 ngày kể từ ngày ngân hàng có thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn Q nhiều lần không thanh toán đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng và Thông báo lịch trả nợ vay. Do đó, vào ngày 22/11/2022, ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn khoản vay của ông Nguyễn Văn Q; ngày 07/12/2022, ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn ($150\% \times 19,67\%/năm = 29,51\%/năm$).

Tính đến ngày 19/11/2024, ông Nguyễn Văn Q còn nợ ngân hàng tổng cộng 221.154.972 đồng, gồm các khoản sau: Vốn gốc là 104.995.227 đồng, lãi trong hạn là 35.200.000 đồng, lãi quá hạn là 60.516.654 đồng, phạt lãi chậm trả là 20.443.090 đồng.

Do đó, ngân hàng nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn Q trả ngay cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 19/11/2024 là 221.154.972 đồng, gồm các khoản sau: Vốn gốc là 104.995.227 đồng, lãi trong hạn là 35.200.000 đồng, lãi quá hạn là 60.516.654 đồng, phạt lãi chậm trả là 20.443.090 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả phát sinh quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, kể từ ngày 20/11/2024 đến ngày trả hết nợ.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2025. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê ghi ngày 23/7/2025 xác định số nợ hiện nay ông Nguyễn Văn Q phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho ngân hàng tính đến ngày 23/7/2025 là 247.534.263 (hai trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 104.995.227 đồng, lãi trong hạn là 35.200.000 đồng, lãi quá hạn là 81.395.545 đồng và phạt chậm trả là 25.943.491 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả phát sinh quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, kể từ ngày 24/7/2025 đến ngày trả hết nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Q thanh toán làm một lần cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/7/2025 là 247.534.263 đồng, trong đó nợ gốc là 104.995.227 đồng, lãi trong hạn là 35.200.000 đồng, lãi quá hạn là 81.395.545 đồng và phạt chậm trả là 25.943.491 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả phát sinh quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, kể từ ngày

24/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng TM-CP A khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018. Trên Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ghi địa chỉ bị đơn tại số Số Đ, đường E, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện; “*Ông Nguyễn Văn Q và bà Huỳnh Thị L có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại Số Đ, đường E, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Q cư trú tại Quận 5. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh). Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng TM-CP A có đơn đề ngày 22/7/2025 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 (tham gia phiên tòa lần 01 lúc 13 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2025) và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐST-DS-HPT ngày 26 tháng 6 năm 2025 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 7 năm 2025) và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho ông Nguyễn Văn Q, bà Huỳnh Thị L các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền chứng minh và cung cấp

chứng cứ của mình nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Ngân hàng TM-CP A và ông Nguyễn Văn Q đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 (số tài khoản vay 273070339), ông Quán được giải ngân cùng ngày 23/11/2018 theo Phiếu giải ngân chuyển khoản với số tiền 180.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.2] Theo Sao kê giao dịch account vay trong khoảng thời gian từ 23/11/2018 đến ngày 09/8/2023 ngân hàng nộp cho Tòa án ngày 27/02/2025 có thể xác định ông Quán đã bắt đầu thanh toán khoản vay từ ngày 20/12/2018; các giao dịch thu nợ vay được thực hiện từ ngày 20/12/2018 đến 23/12/2020 (mỗi kỳ gồm: vốn là 3.000.000 đồng và lãi là 1.500.000 đồng; riêng kỳ thanh toán ngày 24/7/2019 bao gồm phạt chậm trả là 411 đồng); lần cuối ông Nguyễn Văn Q chủ động thanh toán cho ngân hàng là ngày 23/12/2020 (25 kỳ).

[3.3] Điều 5, Điều 6 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, do ông Nguyễn Văn Q nhiên lần không thanh toán đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng và Thông báo lịch trả nợ vay nên ngày 22/11/2022, ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn khoản vay của ông Quán; ngày 07/12/2022, ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn ($150\% \times 19.67\%/năm = 29.51\%/năm$). Cụ thể:

- Về lãi suất trong hạn, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, ngân hàng xác định mức lãi suất thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 là 10%/ năm từ ngày giải ngân đến trước ngày chuyển nợ quá hạn.

- Về lãi suất quá hạn, căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, căn cứ thỏa thuận tại khoản 6.1, khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 ngân hàng xác định:

Lãi quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn: Từ kỳ 23/01/2021 đến ngày 07/12/2022, bị đơn không trả nợ gốc theo kỳ hạn trả nợ nên số nợ gốc mỗi kỳ bị chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn của từng kỳ gốc không trả đúng hạn được tính bằng 50% lãi suất tính theo dự nợ thực tế ($19.67\% \times 50\% = 9.84\%$) nhân nợ

gốc phải trả mỗi kỳ, chia cho 365 ngày và nhân với số ngày chậm trả. Khoản lãi này dừng và không phát sinh thêm sau ngày chuyển nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ gốc.

Lãi quá hạn trên toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán: Căn cứ khoản 6.3 Điều 6 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, ngày 22/11/2022 ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn, sau 15 ngày ông Quấn không thanh toán nợ vay nên ngày chuyển nợ quá hạn được xác định là ngày 07/12/2022. Theo điểm 2.1.2 khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 thì mức lãi suất được áp dụng là 150% lãi suất trong hạn ($150\% \times 19.67\%/năm = 29.51\%/năm$).

- Về phạt chậm trả lãi: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và khoản 6.2 Điều 6; khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, NGÂN HÀNG xác định thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc được bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm; mức lãi suất phạt chậm trả là 10%/ năm.

Bị đơn không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản đã thanh toán; về tiền gốc, tiền lãi và phạt chậm trả lãi mà nguyên đơn yêu cầu được xem là bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ngân hàng đối với số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và phạt chậm trả mà ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về thanh toán nợ của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Q thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/7/2025 là 247.534.263 đồng, trong đó nợ gốc là 104.995.227 đồng, lãi trong hạn là 35.200.000 đồng, lãi quá hạn là 81.395.545 đồng và phạt chậm trả là 25.943.491 đồng.

Ngoài ra, phía bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả phát sinh quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018, kể từ ngày 24/7/2025 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Do từ ngày 23/12/2020, ông Nguyễn Văn Q đã không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, cần buộc ông Quấn thanh toán các khoản nợ làm một lần cho ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là NGÂN HÀNG được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TM-CP A:

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TM-CP A tổng số tiền là 247.534.263 (hai trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm sáu mươi ba) đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.397.23111 ngày 23/11/2018 (số tài khoản vay 273070339), trong đó:

- Nợ gốc là 104.995.227 (một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy) đồng,

- Lãi trong hạn là 35.200.000 (ba mươi lăm triệu, hai trăm nghìn) đồng,

- Lãi quá hạn là 81.395.545 (tám mươi một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng,

- Phạt chậm trả là 25.943.491 (hai mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi một) đồng.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn Q chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.376.713 (mười hai triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba) đồng. Nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TM-CP A số tiền 4.129.606 (bốn triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ sáu) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0010889 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – TP.HCM;
- THADS Khu vực 3 – TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Chi